

THỊ TRƯỜNG THUỐC CHỮA BỆNH THẾ GIỚI

Thạc sĩ TRẦN CÔNG KỶ

Thị trường thuốc thế giới có nhiều biến động về doanh số bán ra, sự phân phối giữa các vùng, cũng như việc thay đổi thứ bậc xếp hạng của các công ty dẫn đầu về doanh số bán ra.

1. Sự phát triển của thị trường thuốc thế giới

Doanh số bán của thị trường thuốc thế giới sau một số năm sút giảm (1990 giảm 14,5%; 1991 giảm 13%...) đã tiếp tục gia tăng khá nhanh và đạt tới 256,6 tỷ (1994) tăng 6 lần so với cách đây gần 20 năm (xem bảng số 1).

Bảng số 1:
Doanh số bán ra của thị trường thuốc thế giới

Năm	Tổng doanh số bán (tỷ USD)	Tốc độ gia tăng (%)
1976	43	100
1985	94,1	218,8
1994	256,6	596,7

Sự gia tăng mạnh mẽ của doanh số bán nêu trên là do việc tăng tiêu dùng thuốc và việc sử dụng các loại thuốc đắt tiền.

2. Mức tiêu thụ thuốc không đồng đều giữa các vùng

a. Giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển

Trong khi chỉ chiếm 25% dân số thế giới, các nước phát triển tiêu thụ tới 79% tổng doanh số thuốc bán ra hàng năm, thì các nước đang phát triển với 75% dân số còn lại chỉ tiêu thụ được 21% doanh số thuốc thế giới.

Con số cho thấy sự không cân bằng trong tiêu dùng thuốc.

b. Tiêu thụ thuốc giữa các vùng

Khảo sát tiền thuốc giữa các vùng cũng biểu hiện sự khác biệt rõ rệt (xem bảng số 2)

Bảng số 2:
So sánh doanh số bán thuốc các vùng trên thế giới

Vùng	Doanh số bán (tỷ USD)			Tốc độ tăng so với 1976 (%)
	1976	1985	1994	
Bắc Mỹ	8,7	28,141	79,1	909
Châu Âu	19,3	31,6	77,9	403
Các nước Mỹ Latinh	3,7	5,6	17,5	473
Nhật	4,02	14,038	53,5	1330
Các nước châu Á khác	5,52	11,3	18,0	328
Các nước khác	1,76	3,4	10,6	602
Tổng doanh số	43	94,079	256,6	

Sau gần 20 năm tốc độ tiêu thụ thuốc tăng nhanh, đặc biệt là Nhật Bản tăng 1.330%, kể đến là Bắc Mỹ 909%. Các nước châu Á (trừ Nhật Bản) chỉ tăng 328%.

Các nước Bắc Mỹ 1976 mới chiếm 20,2% thị trường thuốc thế giới thì năm 1994 đã đạt 30,81%. Tương tự,

Nhật Bản từ 9,34% lên 20,85%.

Các nước châu Âu vẫn gia tăng về số tuyệt đối, nhưng đã giảm đáng kể về tỷ trọng tiêu thụ thuốc trong tổng doanh số thế giới từ 44,9% năm 1975 còn 30 - 35% năm 1994.

c. Tiêu thụ thuốc của các nước

- Doanh số bán 4 tháng đầu năm 1996 của nhóm 10 nước phát triển như sau (xem bảng số 3)

Bảng số 3: Doanh số bán 4 tháng đầu năm 1996

Tên nước	Doanh số bán	Tên nước	Doanh số bán
1. Mỹ	19,172	6. Anh	2,115
2. Nhật	7,51*	7. Tây Ban Nha	1,751
3. Đức	5,752	8. Canada	1,202
4. Pháp	5,223	9. Bỉ	0,69
5. Ý	2,941	10. Hà Lan	0,672

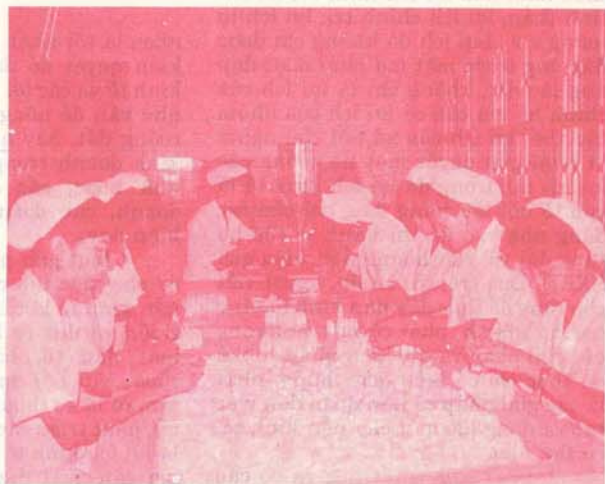
Mỹ và Nhật vẫn luôn luôn là hai nước tiêu thụ thuốc lớn nhất, nhì thế giới.

Doanh số bán thuốc ở các thị trường lớn thuộc các nước khác (xem bảng số 4)

Bảng số 4: Doanh số bán thuốc ở một số nước 1994

Tên nước	Doanh số bán (tỷ USD)
Châu Á	1. Trung Quốc 9,30
	2. Hàn Quốc 3,62
	3. Ấn Độ 2,20
	4. Đài Loan 1,31
Châu Mỹ Latinh	1. Brazil 4,60
	2. Mexico 4,10
	3. Argentina 3,10
Châu Phi và Trung Đông	1. Saudi Arabia 0,80
	2. Ai Cập 0,60

- 15 công ty dẫn đầu thế giới về doanh số thuốc bán ra chiếm trên 1/3 tổng doanh số bán toàn thế giới. Danh mục các công ty dẫn đầu có sự thay đổi 20 năm qua (xem bảng số 5)



Bảng số 5: Bảng xếp hạng 15 công ty dẫn đầu về doanh số bán trên thế giới

Tên công ty	Nước	Xếp hạng số			Ghi chú
		1977	1985	1994	
Hoechst	Đức	1	3	3	Hoechst + Marriion Menelladow
Merck & Co	Mỹ	2	1	2	
Bayer	Đức	3	5	-	
Ciba Geigy	Thụy Sĩ	4	4	14	
Hoffmann la Roche	Thụy Sĩ	5	15	6	
American Home Products	Mỹ	6	2	4	
Warner Lambert	Mỹ	7	7	-	
Pfizer	Mỹ	8	6	7	
Sandoz	Thụy Sĩ	9	14	3	
Eli Lilly	Mỹ	10	9	10	
Upjohn	Mỹ	11	13	9	Upjohn + Pharma
Boehringer Ingelheim	Đức	12	-	-	
Squibb	Mỹ	13	-	5	
Bristol - Myers	Mỹ	14	10	5	
Takeda	Nhật	15	-	12	Glaxo + Welcome
Smith - Kline	Mỹ	-	12	8	
Glaxo	Anh	-	11	1	
Abott	Mỹ	-	8	-	
Johnson & Johnson	Mỹ	-	-	11	
Rhone Poulenc Rorer	Mỹ	-	-	15	

Những loại thuốc bán chạy nhất thế giới (xem bảng số 6)

Bảng số 6: 10 loại thuốc bán chạy nhất thế giới theo tên gốc

T	1977		1985		1993	
	Tên gốc	Tác dụng thuốc nhóm	Tên gốc	Tác dụng thuốc nhóm	Tên gốc	Tác dụng thuốc nhóm
1	Diazepam	tâm thần	Cimetidin	tiêu hóa	Ranitidin	tiêu hóa
2	Metyldopa	tim mạch	Ranitidin	tiêu hóa	Nifedipin	tim mạch
3	Cefalexin	kháng sinh	Piroxicam	giảm đau	Enalapril	tim mạch
4	Cefalotin	kháng sinh	Atenolol	tim mạch	Erythropoietin	thiếu máu
5	Co - dergocrin mesylat	tim mạch	Propranolol	tim mạch	Captopril	tim mạch
6	Indometacin	giảm đau	Diclofenac	giảm đau	Pravastatin	giảm lipid
7	Propranolol	tim mạch	Naproxen	giảm đau	Omeprazol	tiêu hóa
8	Ibuprofen	giảm đau	Diazepam	tâm thần	Insulin	chống tiểu đường
9	Cefazolin	kháng sinh	Amoxicillin	kháng sinh	Diltiazem	tim mạch
10	Furosemid	lợi tiểu	Metyldopa	tim mạch	α Interferon	chống ung thư

Qua bảng 5 và 6, ta có thể nhận xét một số xu hướng của thị trường thuốc thế giới như sau:

(1). Xu hướng đáng chú ý là sự sáp nhập của một số công ty để trở thành những công ty lớn trong danh sách top 15 của thị trường thuốc thế giới: Glaxo xếp thứ 11 (năm 1985) vượt lên vị trí số 1 (1994) nhờ sáp nhập với Welcome. Squibb (xếp thứ 13 năm 1977) sáp nhập với Bristol Myers (thứ 14 năm 1977) để vươn lên vị trí số 5 năm 1994 v.v...

(2). Xu hướng tiêu dùng thuốc biến động rõ rệt: 10 loại thuốc bán chạy nhất thế giới 1977 thì đến năm 1985 còn lại 3, thay vào danh sách là 7 loại mới. Từ năm 1985 đến năm 1995 chỉ còn một loại đứng vững.

Điều này đòi hỏi các công ty phải đầu tư cho nghiên cứu và phát triển tạo thuốc mới hiệu quả hơn, an toàn hơn mới có thể chiếm lĩnh thị trường.

(3). Nhu cầu về thuốc tim mạch tăng, kể đến là các thuốc liên quan đến tiêu hóa, dạ dày.

Bài này nhằm mục đích cung cấp cho bạn đọc một bức tranh phác thảo về thị trường thuốc thế giới. Tuy nhiên, các số liệu trên dựa vào nhiều nguồn cung cấp chưa được thống nhất về cách tính toán.

Tài liệu tham khảo

- The world drug situation: WHO 1988.
- Scrip magazin 1.1996, 6.1996.
- Actualités pharmaceutique 1.1994, 1.1995.
- Một số tài liệu khác.

